

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **171/2017/HSPT**
Ngày 16/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thế Cẩm**
Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Quốc Thiện**
Bà **Nguyễn Thị Hòa**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 16 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số **143/2017/HSPT** ngày 20 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo Huỳnh Điệp, Đoàn N. Do có kháng cáo của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST, ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1/ **Huỳnh Đ**, sinh ngày 16/11/1983; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: khối phố 7, phường T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: hợp đồng lao động làm việc tại Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Tam Kỳ; trình độ văn hóa: 12/12; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng ngày 28-12-2015; con ông Huỳnh D (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; có vợ là Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1986 và có 01 con sinh tháng 12/2016; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam ngày 25/12/2015, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh ngày 19/7/2016, bị bắt và tạm giam ngày 19/5/2017; có mặt.

2/ **Đoàn N**, sinh ngày 10/10/1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn T, xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Đoàn C, sinh năm 1949 và bà Trần Thị N, sinh năm 1952; có vợ là Võ Thị Ngọc H, sinh năm 1984 và có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam ngày 25/12/2015, được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh ngày 19/7/2016; bị bắt và tạm giam ngày 19/5/2017; có mặt.

- Người bào chữa: Luật sư **Bùi Bá D**, Văn phòng Luật sư Hoàng H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam, bào chữa cho bị cáo Đoàn Nh, theo yêu cầu của bị cáo; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Ông **Nguyễn Ngọc H**, sinh năm 1967; trú tại: thôn T, xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: **Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T**. Địa chỉ: số 159 đường T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Đại diện theo pháp luật có ông **Nguyễn Ngọc T**, chức vụ: Giám đốc; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân nhân dân thành phố Tam Kỳ và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Đ được Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Tam Kỳ (*nay là Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T*) ký hợp đồng lao động tuyển dụng vào làm việc tại Chi nhánh Trung tâm từ tháng 01-2010. Công việc được phân công phụ trách là làm công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ dân nằm trong phạm vi bồi thường - giải phóng mặt bằng để xây dựng các công trình do lãnh đạo Chi nhánh Trung tâm phân công. Năm 2010, bị cáo Huỳnh Đ được lãnh đạo Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất Tam Kỳ giao nhiệm vụ tiến hành kê khai, kiểm kê bồi thường giải phóng mặt bằng để xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi (*đoạn qua địa phận xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam*). Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, bị cáo Huỳnh Đ đã lợi dụng quyền hạn được giao và sự thiếu trách nhiệm của cán bộ địa chính xã T là bị cáo Nguyễn Quốc H, bị cáo Đ đã câu kết với các bị cáo Đoàn Nh, Đoàn Văn C, Đoàn Văn L cùng với một số đối tượng khác lập hồ sơ khống bồi thường mồ mả, đất đai, vật kiến trúc, để chiếm đoạt tiền của dự án, cụ thể như sau:

Lần 1: Lập hồ sơ khống bồi thường mồ mả đứng tên bị cáo Đoàn Văn L:

Khoảng tháng 10-2013, bị cáo Huỳnh Đ đến trại nuôi cá của bị cáo Đoàn N tại thôn T, xã T, Tam Kỳ, Quảng Nam, trao đổi với bị cáo N về việc tìm người đứng tên để bị cáo Đ lập hồ sơ khống nhận tiền bồi thường, bị cáo N đồng ý. Sau đó, bị cáo N đã gặp bị cáo L (L là chú họ của N) trao đổi với bị cáo L để bị cáo L đứng tên trong hồ sơ khống nhận tiền của chủ dự án. Sau khi bị cáo L đồng ý, bị cáo N gặp bị cáo Đ và nói bị cáo Đ đưa tên của bị cáo L đứng tên ký hồ sơ. Bị cáo Đ đã tự lập một hồ sơ đền bù mồ mả khống đứng tên Đoàn Văn L, tổng số mồ mả là 23 cái gồm: 01 mộ xây đường kính 1,4m, 02 mộ xây đường kính 1,3m, 09 mộ xây đường kính 1,1m và 11 mộ xây đường kính 01m. Khi lập hồ sơ xong, bị cáo Đ điện thoại cho bị cáo N nói bị cáo L đến nhà của bị cáo Đ để ký hồ sơ. Bị cáo N điện thoại cho bị cáo L và bị cáo L đã đến nhà của bị cáo Đ để ký hồ sơ. Sau khi bị cáo L và đại diện Ban nhân dân thôn là ông Cao Văn C ký hồ sơ, bị cáo Đ đã mang hồ sơ đưa cho bị cáo

Nguyễn Quốc H ký xác nhận. Mặc dù không trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của bị cáo L, nhưng bị cáo H vẫn ký xác nhận vào hồ sơ, tạo điều kiện cho bị cáo Đ lập hồ sơ bồi thường mồ mả không cho bị cáo L để chiếm đoạt tiền của dự án. Ngày 07-01-2014, bị cáo Đ điện thoại cho bị cáo N nói bị cáo N chở bị cáo L đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T để nhận tiền bồi thường. N đã chở L đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T ký và nhận số tiền là 107.800.920đ (*Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm nghìn chín trăm hai mươi đồng*). Sau khi nhận tiền, bị cáo N chở bị cáo L đến quán cà phê Newlife trên đường Lý Thường K, thành phố Tam Kỳ và điện thoại cho bị cáo Đ đến. Tại đây, bị cáo L đã giao toàn bộ số tiền 107.800.920 đồng cho bị cáo N. Bị cáo N đưa cho bị cáo L 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*), số tiền còn lại bị cáo N giao hết cho bị cáo Đ. Chiều ngày 08-01-2014, bị cáo Đ mang số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) đến trại nuôi cá của bị cáo N giao cho bị cáo N, số tiền còn lại bị cáo Đ giữ. Toàn bộ số tiền trên các đối tượng đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Lần 2: Lập hồ sơ không bồi thường mồ mả đứng tên hộ Đoàn Văn C:

Khoảng tháng 5-2014, bị cáo Đ đi đến trại nuôi cá của bị cáo N thì bị cáo N nói với bị cáo Đ là đang chăn nuôi bị thua lỗ và hỏi bị cáo Đ có cách gì giúp không, bị cáo Đ nói: “*Có đất đai, mồ mả gì không ?*”, bị cáo N trả lời: “*Không có*”, bị cáo Đ hỏi tiếp: “*Có ai có mồ mả ở trên tuyến đường đó không ?*”, thì bị cáo N trả lời: “*Đến xem thử*”. Sau đó, bị cáo N gặp bị cáo Đoàn Văn C và trao đổi với bị cáo C đứng tên kê khai hồ sơ không mồ mả để nhận tiền bồi thường, bị cáo C đồng ý. Bị cáo N lấy số chứng minh nhân dân của bị cáo C đưa cho bị cáo Đ để làm hồ sơ. Thời gian sau, bị cáo Đ đã lập và giao cho bị cáo N một bộ hồ sơ đền bù mồ mả không đứng tên bị cáo C, tổng cộng có 13 cái mả gồm: 03 mộ đất không bia, 04 mộ xây đường kính 1,4m và 06 mộ xây đường kính 1,2m. Bị cáo N mang bộ hồ sơ trên đến nhà đưa cho bị cáo C ký, sau đó đưa lại cho bị cáo Đ. Sau khi bị cáo C và đại diện Ban nhân dân thôn là ông Cao Văn C ký hồ sơ, bị cáo Đ đã mang hồ sơ đưa cho bị cáo H ký xác nhận. Mặc dù không trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của bị cáo Cảnh, nhưng bị cáo H vẫn ký xác nhận vào hồ sơ, tạo điều kiện cho bị cáo Đ lập hồ sơ bồi thường mồ mả không cho bị cáo C để chiếm đoạt tiền của dự án. Ngày 19-5-2015, bị cáo Đ điện thoại cho bị cáo N bảo bị cáo N nói bị cáo C đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T để nhận tiền. Bị cáo N đã nói bị cáo C đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T để ký và nhận số tiền là 60.984.500đ (*Sáu mươi triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm đồng*). Sau khi nhận tiền, bị cáo N điện thoại cho bị cáo C đến một quán cà phê gần Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ (*không nhớ tên và địa chỉ*), tại đây bị cáo C đã giao toàn bộ số tiền vừa nhận được cho bị cáo N. Bị cáo N đưa lại cho bị cáo C 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Sau đó, các bị cáo N, C và Đ đi ăn uống tại một quán trên đường T (*không nhớ rõ địa chỉ*). Tại đây, bị cáo N đưa hết số tiền còn lại cho bị cáo Đ, nhưng bị cáo Đ không nhận và nói giúp bị cáo N để có tiền trả nợ nên N đã giữ lại số tiền trên và tiêu xài cá nhân hết.

Lần 3: Lập hồ sơ không bồi thường tường rào cho hộ Nguyễn Thị P:

Ngày 29-5-2015, Đoàn kiểm tra công tác kê khai bồi thường tiến hành kê khai, kiểm kê tại thửa đất của hộ ông Đoàn T - Nguyễn Thị P tại thôn T, xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, Thành phần gồm: Bị cáo Huỳnh Đ, Huỳnh Đức T (*Trưởng thôn T*), bị cáo H, Nguyễn Thị P. Trong quá trình kê khai, kiểm kê, Nguyễn Thị P trao đổi với bị cáo Đ: “*Con ghi thêm cho cô ít tường rào để cô có tiền trả nợ*”. Bị cáo Đ đồng ý và kê khai không trên thửa đất của Nguyễn Thị P có thêm 158m tường rào xây gạch cao 1,2m, sau đó lập biên bản kê khai và kiểm kê tài sản rồi đưa cho mọi người tham gia đoàn kiểm tra ký. Mặc dù trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của hộ Nguyễn Thị P nhưng khi ký hồ sơ bị cáo H không kiểm tra lại nội dung trước khi ký xác nhận vào hồ sơ, việc làm đó đã tạo điều kiện cho bị cáo Đ lập hồ sơ bồi thường tường rào không cho Nguyễn Thị P để chiếm đoạt tiền của dự án. Ngày 23-6-2015, Nguyễn Thị P đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T nhận tiền đền bù với tổng số tiền là 397.734.230 đồng, trong đó số tiền bồi thường về tường rào là 46.926.000đ (*Bốn mươi sáu triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng*). Số tiền này bà P đã sử dụng để xây nhà, không giao cho bị cáo Đ.

Lần 4: Lập hồ sơ không bồi thường mồ mả đứng tên hộ Nguyễn Ngọc H:

Ngày 07-02-2011, Tổ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, giải phóng mặt bằng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi qua địa bàn thành phố Tam Kỳ tiến hành kê khai, kiểm kê tại thửa đất của hộ Nguyễn Ngọc H tại thôn T, xã T, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Trong quá trình kiểm kê, thực tế trên thửa đất của hộ ông H chỉ có 27 cái mộ xây. Ông H đã trao đổi với bị cáo Đ hỗ trợ thêm cho ít kinh phí để có tiền mua đất và di dời mồ mả, bị cáo Đ đồng ý. Trong khi lập biên bản kê khai mồ mả cho hộ ông H, bị cáo Đ đã kê thêm trên thửa đất của hộ ông H 15 cái mộ xây. Bị cáo H mặc dù không trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của Nguyễn Ngọc H nhưng vẫn ký xác nhận vào hồ sơ, do đó tạo điều kiện cho bị cáo Đ lập hồ sơ bồi thường mồ mả không cho Nguyễn Ngọc H để chiếm đoạt tiền của dự án. Ngày 07 và ngày 26-12-2011, Nguyễn Ngọc H đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T nhận số tiền tổng cộng là 137.626.250đ, trong đó số tiền bồi thường, hỗ trợ 15 cái mộ xây không là 45.270.000đ (*Bốn mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng*). Số tiền nhận được, ông đã đưa cho bị cáo Đ hai lần với tổng số tiền là 12.000.000đ (*Mười hai triệu đồng*).

Lần 5: Lập hồ sơ không bồi thường mồ mả đứng tên hộ Trương N:

Ngày 22-10-2013, bị cáo Đ cùng với ông Đinh Văn T (*Trưởng thôn Đ*), Nguyễn Ngọc T (*nhân viên hợp đồng của Trung tâm Phát triển quỹ đất T*) tiến hành cầm thẻ, kiểm kê số lượng mồ mả bị thiệt hại của hộ ông Trương N, tổng số 47 cái mộ đất có bia. Khi lập biên bản kê khai, kiểm kê, bị cáo Đ đã kê không 31 cái mộ đất thành 31 cái mộ xây. Bị cáo H mặc dù không trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của hộ Trương N nhưng bị cáo H vẫn ký xác nhận vào hồ sơ, tạo điều kiện cho bị cáo Đ lập hồ sơ bồi thường mồ mả không cho Trương N để chiếm đoạt tiền của dự án. Ngày 07-01-2014, Trương N đã đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T nhận số tiền đền bù là 133.562.500 đồng, trong đó số tiền phát sinh từ việc kê khai không 31 cái mộ đất có bia thành 31 mộ xây là 63.180.000đ (*Sáu mươi ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng*). Sau khi nhận tiền, N gặp Nguyễn Ngọc T và

nói với T: “Tôi gửi số tiền này cho anh Đ”, T hỏi lại “Bao nhiêu?”, N trả lời “Khoảng bảy mươi mấy triệu đồng”, sau đó T điện thoại cho bị cáo Đ. Sau khi trao đổi với bị cáo Đ, T nói với N: “Ông Đ bảo lấy ba mươi triệu đồng”, N giao 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho T. T đưa tiền cho bị cáo Đ thì bị cáo Đ cho T 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), số tiền còn lại bị cáo Đ đã sử dụng cá nhân hết.

Lần 6: Lập hồ sơ không bồi thường mồ mả đứng tên hộ Nguyễn Đại T:

Ngày 31-5-2014, bị cáo Đ tiến hành kê khai, kiểm kê cây cối bị ảnh hưởng của hộ Nguyễn Đại T trồng trên thửa đất của hộ ông Nguyễn Đại B (trú tại thôn Đ, là chủ ruột của T). Trong quá trình kiểm kê, T đã trao đổi với bị cáo Đ kê không thêm mồ mả để ông nhận thêm tiền bồi thường. Bị cáo Đ đồng ý và đã kê khai không trong biên bản kiểm kê của T 15 cái mồ mả (trong đó 09 cái mộ xây và 06 cái mộ đất có bia). Bị cáo H mặc dù không trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của T nhưng bị cáo H vẫn ký xác nhận vào hồ sơ, tạo điều kiện cho bị cáo Đ lập hồ sơ bồi thường mồ mả không cho T để chiếm đoạt tiền của dự án. Ngày 19-5-2015, T đến Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T nhận số tiền đền bù là 119.386.450đ, trong đó số tiền phát sinh từ việc kê khai không 15 cái mồ mả là 62.950.000 đồng. Số tiền trên T đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Ngoài ra, bị cáo Đ còn lập hồ sơ bồi thường vượt quá chiều sâu thực tế ao cá cho bị cáo N (thuộc thửa đất 167 tờ bản đồ số 2), gây thiệt hại số tiền là: 41.533.000đ (Bốn mươi một triệu năm trăm ba mươi ba nghìn đồng), cụ thể:

Quá trình thực hiện công tác kê khai, kiểm kê giai đoạn 1 dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, hộ Đoàn N có ao nuôi cá diện tích mặt nước 2026,2m², trong đó diện tích bị ảnh hưởng là 161,3m². Ngày 29-5-2012, hộ Đoàn N đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ công đào ao với diện tích bị ảnh hưởng 161,3m², chiều sâu là 01m với số tiền là 8.145.650đ. Đối với diện tích ao cá còn lại 1.864,9m² Đoàn N đã có đơn khiếu nại đòi bồi thường, đã được Ban Quản lý dự án đồng ý bồi thường thêm 01m chiều sâu của diện tích 1.864,9m² với số tiền là 94.177.450 đồng.

Sau khi nhận tiền bồi thường bổ sung lần 2, Đ nhận thấy việc bồi thường 01 mét chiều sâu là chưa đúng với chiều sâu thực tế nên đã khiếu nại với bị cáo Đ và được bị cáo Đ hướng dẫn viết đơn gửi Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T. N đã viết đơn (chưa được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận) gửi cho bị cáo Đ, khi nhận đơn, bị cáo Đ không báo cáo lãnh đạo Chi nhánh Trung tâm, không thành lập Tổ kiểm tra mà tự mình đi kiểm tra chiều sâu ao cá lại cho hộ Đoàn N. Ngày 15-5-2013, bị cáo Đ tự lập biên bản kiểm kê, hồ sơ bồi thường, hỗ trợ công đào ao nuôi cá cho Đoàn N một lần nữa với diện tích 2.026m², chiều sâu là 01m, trình đại diện Ủy ban nhân dân xã T là bị cáo H và ông Nguyễn Q, Chủ tịch ký xác nhận. Bị cáo H mặc dù không trực tiếp tham gia kiểm kê tài sản bị ảnh hưởng của Đoàn N nhưng bị cáo H vẫn ký xác nhận vào hồ sơ. Sau đó, Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T lập bảng tính giá trị, phương án bồi thường cho Đoàn N. Ngày 31-5-2013, Đoàn N đã nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ công đào ao cá bổ sung 01 mét với số tiền là 102.313.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định diện tích ao cá được bồi thường theo quy định của pháp luật là 1,6m x 2.026m² (diện tích ao cá là 2.026m², chiều sâu ao cá 1,6m). Như

vậy, chiều sâu ao cá mà bị cáo Đ bồi thường bổ sung vượt so với chiều sâu thực tế là 0,4m, diện tích mặt nước là 2.026m², gây thiệt hại số tiền 41.533.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà các đối tượng lập không hồ sơ bồi thường để chiếm đoạt, gây thiệt hại cho chủ dự án là **387.111.420 đ** (*Ba trăm tám mươi bảy triệu một trăm mười một nghìn bốn trăm hai mươi đồng*).

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ đã quyết định: Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Đ** phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; bị cáo **Đoàn N** phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng: điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Đ 03** (Ba) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 19/5/2017), được khấu trừ thời gian bị tạm giam trước là 07 tháng 01 ngày (từ ngày 25/12/2015 đến ngày 19/7/2016). Cấm bị cáo Huỳnh Điệp đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong thời gian 03 (Ba) năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm i khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn N 02** (Hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 19/5/2017), được khấu trừ thời gian bị tạm giam trước là 07 tháng 01 ngày (từ ngày 25/12/2015 đến ngày 19/7/2016).

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Ngọc H** phải hoàn trả lại cho nguyên đơn dân sự Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T số tiền 33.270.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo khác, về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15/6/2017; ngày 24/6/2017, các bị cáo Huỳnh Đ, Đoàn N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/6/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H có đơn kháng cáo về phần dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam có quan điểm về giải quyết vụ án: Bị cáo Huỳnh Đ đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, khởi xướng, cấu kết với các bị cáo khác làm trái công vụ gây thiệt hại tài sản Nhà nước; bị cáo Đoàn N cấu kết với các bị cáo khác, lập hồ sơ kê không mờ mã chiếm đoạt tài sản của Nhà nước, nên bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án và xử phạt 03 năm tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” và bị cáo Đoàn N bị kết án và xử phạt 02 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Đoàn N tiếp tục nộp bồi thường số tiền 13.000.000 đồng, hoàn cảnh gia đình khó khăn là những tình tiết

giảm nhẹ mới, nhưng bị cáo phạm tội thuộc hai tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức án khởi điểm đối với bị cáo là không nặng. Đối với bị cáo Huỳnh Đ, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức án dưới khung hình phạt quy định và không có tình tiết giảm nhẹ mới; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt và loại bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn N. Về phần trách nhiệm dân sự, Tòa án cấp sơ thẩm buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H hoàn trả lại cho nguyên đơn dân sự Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T số tiền 33.270.000 đồng là có căn cứ pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần dân sự.

Người bào chữa với luận cứ: Thống nhất về loại bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn N. Cần xem xét lại định khung “có tổ chức” vì bị cáo thực hiện hành vi phạm tội theo gợi ý của bị cáo Huỳnh Điệp, không có sự thỏa thuận phân chia số tiền chiếm đoạt. So sánh các tình tiết về định khung hình phạt, tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì mức án áp dụng đối với bị cáo là nặng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo nộp số tiền 13.000.000 đồng khắc phục hậu quả, vợ mới sinh con thứ hai vào tháng 6/2017, hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn, là thành phần nông dân thuần túy, phạm tội lần đầu ... đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ về hình phạt.

Bị cáo Đoàn N thống nhất luận cứ của người bào chữa, các bị cáo không tranh luận và đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H xin xem xét về phần bồi thường dân sự do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo về trách nhiệm dân sự và trong hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 của Bộ luật tố tụng Hình sự nên kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp pháp

Tại phiên tòa các bị cáo Huỳnh Đi, Đoàn N khai nhận:

Bị cáo Huỳnh Đ là cán bộ thuộc Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T (làm việc theo chế độ hợp đồng lao động) và được giao làm Tổ viên trong Tổ bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng Dự án đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đoạn qua thành phố Tam Kỳ. Trong thời gian này, lợi dụng quyền hạn được giao, bị cáo đã câu kết với các bị cáo Đoàn N, Đoàn Văn C, Đoàn Văn L và

một số người khác lập hồ sơ không mờ mả, đất đai, vật kiến trúc để chiếm đoạt tiền bồi thường, gây thiệt hại cho Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất T số tiền 387.111.420 đồng, bị cáo đã hưởng lợi bất chính số tiền 69.800.920 đồng.

Được sự đồng ý của bị cáo Huỳnh Đ, bị cáo Đoàn N đã cấu kết bị cáo Đoàn Văn L, Đoàn Văn C, hai lần lập không hồ sơ bồi thường 36 cái mộ xây, chiếm đoạt số tiền 168.785.420 đồng, bị cáo N hưởng lợi số tiền 80.984.500 đồng.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích vụ lợi, bị cáo Huỳnh Đ đã có hành vi lợi dụng quyền hạn được giao, cấu kết với các bị cáo khác, sáu lần lập không hồ sơ bồi thường, gây thiệt hại số tiền 387.111.420 đồng. Bị cáo Đoàn N, cấu kết với các bị cáo khác, hai lần lập không hồ sơ bồi thường, chiếm đoạt số tiền 168.785.420 đồng nên bản án hình sự sơ thẩm số 44/2017/HSST ngày 14/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã kết án bị cáo Huỳnh Đ về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” và bị cáo Đoàn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b, c khoản 2 Điều 281 và điểm a, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

Bị cáo Huỳnh Đ là người giữ vai trò chính, thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần, thuộc tội rất nghiêm trọng, Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá đúng tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; áp dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò, nhân thân để làm căn cứ xử phạt bị cáo Huỳnh Đ 03 năm tù mức án thấp dưới khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 281 của Bộ luật Hình sự là có cơ sở. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, thật sự biết ăn năn hối cải, bồi thường xong số tiền đã chiếm đoạt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, con nhỏ sinh năm 2015 nên có cơ sở xem xét giảm về hình phạt.

Đối với bị cáo Đoàn N, giữ vai trò sau bị cáo Huỳnh Đ; mặt dù không thể hiện rõ sự bàn bạc về phân chia số tiền chiếm đoạt nhưng đã cấu kết chặt chẽ với bị cáo Đoàn Văn L và Đoàn Văn C, hai lần thực hiện hành vi phạm tội, với số tiền chiếm đoạt từ trên 50 triệu đến dưới 200 triệu đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, tác động gia đình tiếp tục khắc phục hậu quả số tiền 13.000.000 đồng, vợ mới sinh con thứ hai vào tháng 6/2017, hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự nên có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo và một phần luận cứ của người bào chữa về tình tiết giảm nhẹ mới phát sinh, sửa bản án sơ thẩm để giảm về hình phạt.

Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H thì thấy: Ông H đã có hành vi kê khai không 15 cái mộ, chiếm đoạt số tiền 45.270.000 đồng. Sau khi nhận tiền, ông đã đưa cho bị cáo Đ số tiền 12.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Ngọc H phải hoàn trả cho nguyên đơn dân sự là Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T số tiền 33.270.000 đồng là

đúng pháp luật; Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc H về trách nhiệm dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bị cáo Đoàn N hai lần thực hiện hành vi phạm tội nhưng khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự là áp dụng pháp luật chưa đầy đủ, cần phải áp dụng bổ sung. Việc áp dụng điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đoàn N là chưa sát đúng, vì theo Nghị quyết của Quốc hội về áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xâm phạm tài sản của Nhà nước*” không còn được xem là tình tiết tăng nặng nên có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát và người bào chữa để loại bỏ tình tiết này.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Đ, Đoàn N; sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự.

- Áp dụng: điểm b, c khoản 2 và khoản 4 Điều 281; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Đ 30** (Ba mươi) tháng tù, về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 19/5/2017), được khấu trừ thời gian bị tạm giam trước là **07 (Bảy) tháng 01 (Một) ngày (từ ngày 25/12/2015 đến ngày 19/7/2016)**.

Cấm bị cáo **Huỳnh Đ** đảm nhiệm công việc liên quan đến lĩnh vực quản lý đất đai trong thời gian **03 (Ba) năm**, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng: điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đoàn N 18** (Mười tám) tháng tù, về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt, tạm giam (ngày 19/5/2017), được khấu trừ thời gian bị tạm giam trước là **07 (Bảy) tháng 01 (Một) ngày (từ ngày 25/12/2015 đến ngày 19/7/2016)**.

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 608 Bộ luật Dân sự năm 2005. Buộc người có nghĩa vụ liên quan **Nguyễn Ngọc** phải hoàn trả lại cho nguyên đơn dân sự Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T số tiền **33.270.000 đ (Ba mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng)**.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc H phải chịu **300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng)** án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 16/8/2017.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành TT;
- Người tham gia TT;
- Phòng PV 27 CA Q.Nam;
- P.HSNV Sở tư pháp Q Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã kí và đóng dấu)

Trần Thế Cẩm

